

Số: 21/2023/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 05 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 108/2023/TLST - HNGĐ ngày 16/8/2023, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1988

+ Anh Lều Văn M, sinh năm 1992

Cùng nơi cư trú: Đ, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lều Thị Huyền T, sinh ngày 26/02/2017. Nơi cư trú: Đội 12, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu T là chị H và anh M là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2016 ngày 10/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh M chung sống hạnh phúc được một thời gian được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H đi làm xa nên hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, chị H ít khi về nhà, ngoài ra vợ chồng anh chị còn có mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Đỉnh điểm đến tháng 10/2019 chị H đi làm trên Hà Nội và cắt toàn bộ liên lạc với anh M, vợ chồng sống ly thân, chị H thỉnh thoảng có về trường học để thăm con nhưng anh chị cũng không gặp nhau. Khi sống ly thân vợ chồng anh chị kinh tế độc lập, không quan tâm, hỏi han nhau, không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên cũng biết và có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể

tiếp tục chung sống. Đến nay chị H, anh M cùng xác định không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị H, anh M là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H, anh M.

[2] Về con chung: Chị H, anh M thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lều Thị Huyền T, sinh ngày 26/02/2017. Khi vợ chồng ly hôn anh, chị thỏa thuận anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Lều Thị Huyền T, sinh ngày 26/02/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh chị thống nhất chị H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 09/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị H được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Xét đây là sự tự nguyện của chị H, anh M nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh M đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H, anh M thỏa thuận chị H nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lều Văn M.

1.2 Về con chung: Giao cháu Lều Thị Huyền T, sinh ngày 26/02/2017 cho anh Lều Văn M trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 08/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị H được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh Lều Văn M có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu chị Trần Thị H không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vì quyền lợi của con chung, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001543 ngày 16/8/2023 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND xã Liên Phương, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 28/2016, ngày 10/6/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê